

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước;

Thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Để tăng cường công tác quản lý tài chính đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Thông tư này quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; áp dụng cho các cơ quan, đơn vị: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Kho bạc Nhà nước tỉnh), các đơn vị quản lý tài chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi tắt là các cơ quan quản lý tài chính thuộc các Bộ, ngành) để phối hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ

ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ (kể cả vốn điều chỉnh, bổ sung trong năm kế hoạch).

Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án thuộc các Bộ, ngành và địa phương (định kỳ hàng tháng, hàng quý, cả năm) là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền nắm tình hình, phục vụ cho công tác chỉ đạo quản lý, điều hành vốn theo kế hoạch được giao; đồng thời là cơ sở để thực hiện việc điều hòa, điều chuyển vốn giữa các Bộ, ngành và các địa phương khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương để triển khai thực hiện các dự án trong năm kế hoạch.

2. Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương bố trí cho các dự án thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết, được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau (năm kế hoạch).

4. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước kế hoạch năm sau thực hiện trong năm kế hoạch.

5. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương ngoài kế hoạch giao đầu năm (nếu có) để thực hiện các dự án đầu tư quan trọng, cấp bách.

6. Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản bổ sung từ các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí cho các dự án của Bộ, ngành, địa phương.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Quy định cơ quan tổng hợp báo cáo và thời gian báo cáo:

1. Sở Tài chính: Tổng hợp báo cáo chỉ tiêu giao kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; tình hình nợ xây dựng cơ bản, dự án hoàn thành, tình hình thực hiện các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn và kết quả thực hiện các dự án gửi các cơ quan, đơn vị theo các Biểu mẫu sau:

1.1. Biểu số 01-TC: Kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước), Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.

b) Thời gian báo cáo: Sau 20 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định giao kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước cho địa phương; Trường hợp trong năm kế hoạch địa phương có điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch điều chỉnh gửi các cơ quan, đơn vị theo Biểu mẫu trên sau 15 ngày kể từ ngày có Quyết định của cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn.

1.2. Biểu số 02-TC: Kế hoạch nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước), Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.

b) Thời gian báo cáo: Sau 20 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ cho các địa phương; trường hợp trong năm kế hoạch, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định bổ sung kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ cho các địa phương, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch phân bổ vốn bổ sung của địa phương gửi các cơ quan, đơn vị theo Biểu mẫu trên sau 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có Quyết định bổ sung kế hoạch vốn.

1.3. Biểu số 03-TC: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25 tháng 5 của năm kế hoạch; báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 11 của năm kế hoạch.

1.4. Biểu số 04-TC: Báo cáo kết quả thực hiện các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Trước ngày 01 tháng 4 năm sau năm kế hoạch (sau thời gian thực hiện quyết toán năm theo quy định).

1.5. Biểu số 05-TC: Báo cáo tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ các dự án hoàn thành:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Trước ngày 01 tháng 4 năm sau năm kế hoạch (sau thời gian thực hiện quyết toán năm theo quy định).

2. Cơ quan Tài chính thuộc Bộ, ngành: Tổng hợp báo cáo các nội dung quy định tại các Biểu số 04-TC, Biểu số 05-TC gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố: Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ của các dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố gửi các cơ quan, đơn vị theo các Biểu mẫu sau:

3.1. Biểu số 06 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo các nội dung quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án thuộc cấp huyện, xã quản lý chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

3.2. Biểu số 07 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo các nội dung quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn chi tiết theo từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

3.3. Biểu số 08 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm sau (nếu có):

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của Bộ, ngành và địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

3.4. Biểu số 09 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước kế hoạch năm sau thực hiện trong năm kế hoạch (nếu có):

a) *Cơ quan nhận báo cáo:* Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo:* Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) *Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng:* Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của Bộ, ngành và địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với TPCP) của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

3.5. Biểu số 10 - KBT: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án quan trọng Quốc gia, nhóm A.

a) Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng quý và cả năm.

- Hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 10 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 15 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

4. Kho bạc Nhà nước: Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ của các Bộ, ngành và địa phương theo các Biểu mẫu gửi các cơ quan, đơn vị sau:

4.1. Biểu số 11 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 20 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

4.2. Biểu số 12 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 20 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực của Bộ, ngành, địa phương quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn chi tiết theo từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

4.3. Biểu số 13 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài sang năm sau (nếu có):

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 20 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

4.4. Biểu số 14 - KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện trong năm kế hoạch (nếu có):

a) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước).

b) Thời gian báo cáo: Định kỳ hàng tháng, hàng quý và cả năm.

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 20 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 20 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

c) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

4.5. Biểu số 15- KBNN: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án quan trọng Quốc gia, nhóm A.

a) *Cơ quan nhận báo cáo*: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính.

b) *Thời gian báo cáo*: Định kỳ hàng quý và cả năm.

- Hàng quý (thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng) trước ngày 20 tháng sau.

- Báo cáo năm: 12 tháng báo cáo trước ngày 10 tháng 01 năm sau năm kế hoạch; 13 tháng báo cáo trước ngày 25 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

Điều 4. Quy định nội dung thuyết minh báo cáo:

1. Trên cơ sở số liệu tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ của Bộ, ngành, địa phương (Định kỳ hàng tháng, hàng quý, cả năm); Kho bạc Nhà nước các cấp có thuyết minh đánh giá tình hình thực hiện thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản kèm theo Biểu tổng hợp báo cáo. Nội dung thuyết minh báo cáo gồm:

- Trình bày tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được giao.

- Đánh giá, phân tích các tồn tại, vướng mắc về giải ngân, về thực hiện tiến độ được duyệt, nêu cụ thể các dự án có tồn tại lớn.

- Đề xuất kiến nghị giải quyết để phục vụ cho điều hành vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch được giao.

2. Sở Tài chính, cơ quan quản lý tài chính thuộc Bộ, ngành căn cứ vào những nội dung thuộc trách nhiệm tổng hợp báo cáo, có báo cáo thuyết minh đánh giá về hiệu quả đầu tư mang lại từ việc bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, tình hình nợ xây dựng cơ bản; nêu rõ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ những vướng mắc để đẩy nhanh việc thanh toán vốn đầu tư, phục vụ cho công tác điều hành kế hoạch vốn của Bộ, ngành và địa phương.

Điều 5. Nội dung lập Biểu mẫu báo cáo:

Một số khái niệm về nguồn vốn, kế hoạch các nguồn vốn, nhóm dự án và hướng dẫn lập các chỉ tiêu báo cáo được quy định tại từng Biểu mẫu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư này. Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố, cơ quan Tài chính thuộc các Bộ, ngành thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo theo đúng quy định.

Điều 6. Chế độ báo cáo và hình thức báo cáo:

1. Báo cáo theo định kỳ: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố, cơ quan Tài chính thuộc các Bộ, ngành có trách nhiệm tổng hợp báo cáo các cơ quan, đơn vị theo đúng thời gian và các nội dung báo cáo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Thông tư này.

2. Hình thức báo cáo: Báo cáo của các cơ quan, đơn vị liên quan quy định tại Thông tư này được gửi theo đường bưu điện (đối với bản có dấu) đồng thời gửi qua thư điện tử về Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ Ngân sách nhà nước) theo địa chỉ: **dautu@mof.gov.vn và ngansachnhanuoc@mof.gov.vn** và gửi về Kho bạc Nhà nước theo Chương trình phần mềm kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc Hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc hộp thư điện tử do Kho bạc Nhà nước cung cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện:

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính tỉnh, thành phố:

- Chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố ban hành hệ thống Biểu mẫu, hướng dẫn chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ hàng năm giao cho các cơ quan của địa phương để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo tình hình phân bổ kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; tình hình thực hiện kế hoạch các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; Kết quả thực hiện các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch; Tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đảm bảo đúng thời gian và nội dung quy định tại các Biểu mẫu số 01-TC, số 02-TC, số 03-TC, số 04-TC, số 05-TC của Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

- Yêu cầu Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư cung cấp số liệu phục vụ cho công tác tổng hợp báo cáo theo quy định, đề nghị đơn vị giải trình về số liệu báo cáo nếu phát hiện có sự chênh lệch số liệu hoặc giải trình nguyên nhân chậm báo cáo; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để chỉ đạo xử lý những vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố và các cơ quan chức năng của tỉnh, thành phố kiểm tra các chủ đầu tư về việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn tạm ứng theo chế độ; kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố những giải pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý tài chính thuộc các Bộ, ngành Trung ương:

- Tổng hợp báo cáo tình hình phân bổ kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho các dự án thuộc Bộ, ngành quản lý gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch; tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản gửi Bộ Tài chính đảm bảo đúng thời gian và nội dung quy định tại các Biểu mẫu số 04-TC, số 05-TC của Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

- Tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ những biện pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm của chủ đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố:

- Yêu cầu Sở Tài chính kịp thời cung cấp kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ theo Biểu số 01-TC, số 02-TC của Thông tư này để thực hiện kiểm soát thanh toán các nguồn vốn theo đúng quy định.

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác của các dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố gửi Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính đảm bảo đúng thời gian và nội dung quy định tại các Biểu mẫu số 06-KBT, số 07-KBT, số 08-KBT, số 09-KBT, số 10-KBT của Thông tư này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

- Thường xuyên phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình thanh toán vốn, quản lý, sử dụng vốn ứng theo chế độ.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

- Kịp thời cung cấp cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ của các Bộ, ngành (sau khi Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định giao kế hoạch vốn) để thực hiện kiểm soát thanh toán các nguồn vốn theo đúng quy định.

- Thường xuyên chỉ đạo Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ đảm bảo đúng thời gian, nội dung báo cáo quy định tại Thông tư này.

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác của các dự án thuộc các Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Tài chính đảm bảo đúng thời gian và nội dung quy định tại các Biểu mẫu số 11-KBNN, số 12-KBNN, số 13-KBNN, số 14-KBNN, số 15-KBNN của Thông tư này.

- Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về tính chính xác của số liệu tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn khác của các Bộ, ngành và địa phương, đảm bảo đúng thời gian quy định.

5. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

- Phân tích đánh giá kết quả thực hiện thanh toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ; tình hình nợ xây dựng cơ bản, kết quả thực hiện các dự án của các Bộ, ngành, địa phương. Căn cứ theo thẩm quyền được giao hoặc tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các Bộ, ngành, địa phương để phục vụ tốt công tác chỉ đạo điều hành ngân sách hàng năm.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý, thanh toán các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ tại các Bộ, ngành, địa phương, các chủ đầu tư để có những giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư của các dự án và biện pháp xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 và thay thế Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21/4/2011 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Sỹ Danh

Biểu số 01-TC: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo: Sau 20 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn cho địa phương.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).
- Kho bạc Nhà nước.
- KBNN tỉnh, thành phố.

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NSNN NĂM..... CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ.....

I. Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao:..... triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối:..... triệu đồng.

Trong đó, vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:..... triệu đồng.

2. Nguồn vốn ngoài nước (ODA):..... triệu đồng.

3. Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP:..... triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia:..... triệu đồng.
- Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm:..... triệu đồng.
- Nguồn vốn bổ sung từ NSTW cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có):..... triệu đồng.
- Vốn bố trí kế hoạch để thu hồi vốn ứng trước (nếu có):..... triệu đồng.

II. Kế hoạch vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao:..... triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn đã TT từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm....	
							Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)						
		Tổng số (1.1+1.2+1.3):						
		- Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn cân đối NSDP:						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA):						
1.1		Dự án cấp tỉnh quản lý:						
		- Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn cân đối NSDP						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA):						
		- Dự án...						
		+ Nguồn vốn cân đối NSDP						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
		- Dự án...						
1.2		Dự án cấp huyện quản lý:						
		- Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn cân đối NSDP						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.3		Dự án cấp xã quản lý: - Số dự án: Trong đó dự án ODA: - Số vốn: + Nguồn vốn cân đối NSDP + Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP:						
		Tổng số (2.1+2.2+2.3): - Số dự án: - Số vốn: + Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia + Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm + Nguồn vốn bổ sung từ NSTW cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
2.1		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia - Số dự án: - Số vốn:						
		Chương trình... - Dự án.....						
		Chương trình... - Dự án...						
2.2		Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm - Số dự án: - Số vốn:						
		Chương trình... - Dự án...						
		Chương trình... - Dự án...						
2.3		Nguồn vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có) - Số dự án: - Số vốn:						
		Nguồn vốn ... - Dự án...						
		Nguồn vốn... - Dự án...						
3		Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có) - Số dự án: - Số vốn:						
		- Nguồn vốn xổ số kiến thiết						
		- Nguồn vốn....						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 01 - TC:

(1) Mẫu biểu này dùng cho cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn trong năm (nếu có).

(2) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(3) Số dự án, số vốn (cột 3): Số dự án ghi vào cột 4; số vốn ghi vào các cột theo thứ tự (cột 7, 8 và 9).

(4) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(5) Thời gian KC-HT (Cột 5): Thời gian KC-HT được xác định theo Quyết định đầu tư của dự án hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

(6) Tổng mức đầu tư dự án (Cột 6): Là tổng mức vốn tại Quyết định đầu tư hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Trường hợp một dự án có nhiều nguồn vốn khác nhau nếu trong Quyết định đầu tư có phân rõ các nguồn vốn thì ghi rõ từng nguồn vốn cụ thể như quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Trường hợp trong Quyết định đầu tư không phân rõ các nguồn thì chỉ ghi tổng mức vốn của dự án.

(7) Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước (Cột 7): Là lũy kế số vốn đã được thanh toán cho dự án từ khi dự án được khởi công đến hết niên độ năm trước năm kế hoạch.

(8) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 8): Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước).

Đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương trong năm kế hoạch, Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch gửi KBNN địa phương ngay sau khi UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo thông báo của cấp có thẩm quyền.

(9) Thu hồi vốn ứng trước (Cột 9): Là số vốn đã được bố trí trong kế hoạch để thu hồi các khoản ứng trước kế hoạch vốn NSNN (nếu có).

(10) Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP: Là nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia; vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP thuộc kế hoạch đầu năm; vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm từ các nguồn khác như nguồn dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách trung ương... (nếu có).

(11) Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có): Là các nguồn vốn xỏ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

Biểu số 02-TC: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo: Sau 20 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn cho địa phương.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).
- Kho bạc Nhà nước.
- KBNN tỉnh, thành phố.

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ.....

I. Kế hoạch vốn TPCP Thủ tướng Chính phủ giao:..... triệu đồng, trong đó:

1. Các dự án Giao thông:..... triệu đồng, bố trí cho..... dự án
2. Các dự án Thủy lợi: triệu đồng, bố trí cho..... dự án
3. Các dự án Y tế: triệu đồng, bố trí cho..... dự án
4. Các dự án Ký túc xá sinh viên: triệu đồng, bố trí cho..... dự án
5. Các dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên:..... triệu đồng.

II. Kế hoạch vốn TPCP Địa phương phân bổ:..... triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Vốn đã TT từ KC đến hết KH năm trước	Kế hoạch vốn TPCP năm...	
					Tổng số	Trong đó: Vốn TPCP		Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Tổng số (1+2+3+4+5):							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							
1		Giao thông							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							
		Dự án...							
2		Thủy lợi							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							
		Dự án...							
3		Y tế							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							
		Dự án...							
4		Ký túc xá sinh viên							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							
		Dự án...							
5		Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên							
		- Số dự án:							
		- Số vốn:							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 02 - TC:

(1) Mẫu biểu này dùng cho cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có).

(2) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(3) Số dự án, số vốn (cột 3): Số dự án ghi vào cột 4; số vốn ghi vào các cột theo thứ tự (cột 8, 9 và 10).

(4) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(5) Thời gian KC-HT (Cột 5): Thời gian KC-HT được xác định theo Quyết định đầu tư của dự án hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

(6) Tổng mức đầu tư dự án (Cột 6, 7): Là tổng mức vốn tại Quyết định đầu tư hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

(7) Vốn đã thanh toán từ KC đến hết KH năm trước (Cột 8): Là lũy kế số vốn TPCP đã được thanh toán cho dự án từ khi dự án được khởi công đến hết niên độ năm trước năm kế hoạch.

(8) Kế hoạch vốn TPCP (Cột 9): Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước).

(9) Thu hồi vốn ứng trước (Cột 10): Là số vốn đã được bố trí trong kế hoạch giao của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thu hồi các khoản ứng trước kế hoạch vốn TPCP theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

Biểu số 03-TC: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Sáu (06) tháng: Trước ngày 25 tháng 5 của năm kế hoạch.

- Năm: Trước ngày 25 tháng 11 của năm kế hoạch.

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NSNN,
VỐN TPCP NĂM..... CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ 06 THÁNG, CẢ NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư địa phương giao			Vốn đã TT từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước số vốn đã TT từ đầu năm đến tháng	Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó				
			KH giao đầu năm	KH điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8=(7/3)
I	Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:						
1	Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)						
	- Nguồn vốn cân đối NSDP						
	- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
2	Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
2.1	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
2.2	Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
2.3	Vốn NSTW bổ sung cho ngân sách địa phương ngoài kế hoạch đầu năm						
3	Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có)						
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:						
1	Giao thông						
2	Thủy lợi						
3	Y tế						
4	Ký túc xá sinh viên						
5	Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên						
III	Vốn kéo dài năm trước chuyển sang (nếu có), trong đó:						
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN						
	- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ						
	- Nguồn vốn khác (nếu có)						
IV	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (nếu có), trong đó:						
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN						
	- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 03 - TC:

(1) Định kỳ 06 tháng, 13 tháng Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN) về tình thực hiện các nguồn vốn đầu tư theo các chỉ tiêu tại Biểu mẫu này.

(2) Thời gian báo cáo:

- Báo cáo thực hiện 06 tháng đầu năm: Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ đầu năm đến hết tháng 4 năm kế hoạch và ước thực hiện thanh toán đến hết tháng 6 năm kế hoạch.

- Báo cáo thực hiện 13 tháng: Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ đầu năm đến hết tháng 10 năm kế hoạch và ước thực hiện thanh toán 13 tháng (đến hết 31/01 năm sau).

(3) Nguồn vốn khác ngoài điểm 1,2 (nếu có): Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(4) Ngoài việc tổng hợp báo tình hình thực hiện thanh toán các nguồn vốn đầu tư của địa phương theo Biểu mẫu trên Sở Tài chính gửi kèm nội dung đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn TPCP, trong đó nêu rõ những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành trung ương tháo gỡ những vướng mắc (nếu có) để đẩy nhanh việc thanh toán vốn đầu tư...

Biểu số 04-TC: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo: Trước 01 tháng 4 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Bộ, ngành, Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

STT	Nội dung	Số dự án	Lũy kế thanh toán từ khởi công đến năm báo cáo (Tr.đồng)		Năng lực thiết kế hoàn thành lũy kế đến năm báo cáo
			Tổng số	Trong đó, thanh toán trong năm....	
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:				
1	Dự án QTQG, nhóm A				
	Dự án.....				
	Dự án.....				
2	Dự án nhóm B, C				
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:				
1	Dự án QTQG, nhóm A				
	- <i>Giao thông</i> Dự án.....				
	- <i>Thủy lợi</i> Dự án.....				
	- <i>Y tế</i> Dự án.....				
	- <i>Ký túc xá sinh viên</i> Dự án.....				
2	Dự án nhóm B, C				
	- <i>Giao thông</i>				
	- <i>Thủy lợi</i>				
	- <i>Y tế</i>				
	- <i>Ký túc xá sinh viên</i>				
	- <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 04 - TC:

(1) Cơ quan tổng hợp báo cáo theo các tiêu chí từ cột 1 đến cột 6: Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính đối với dự án thuộc địa phương quản lý; Cơ quan Tài chính thuộc Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài chính đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý.

(2) Năng lực thiết kế: căn cứ theo chỉ tiêu của từng loại dự án theo ngành cụ thể như: Km đường, số phòng học (m^2 xây dựng), số giường bệnh (m^2 xây dựng)...

(3) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C: Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Ngoài việc báo kết quả thực hiện các dự án trong năm theo Biểu mẫu: Các Bộ, ngành và địa phương gửi kèm nội dung báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư mang lại từ việc bố trí các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn TPCP; Đồng thời nêu rõ những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, giải pháp thực hiện và kiến nghị với các cơ quan của địa phương, Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ những vướng mắc (nếu có) để đẩy nhanh việc hoàn thành dự án đầu tư.

Biểu số 05-TC: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo: Trước 01 tháng 4 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Bộ ngành, Sở Tài chính.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NSNN, VỐN TPCP
CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐẾN NĂM..... CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán		Vốn đã thanh toán đến năm báo cáo			Vốn đầu tư còn nợ
					Đã có QĐ phê duyet	Chưa có QĐ phê duyet	Tổng số	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Nguồn vốn đầu tư XD CB từ NSNN:									
1	Dự án HT các năm trước năm báo cáo									
	<i>Tổng số:</i>									
	Dự án...									
	Dự án...									
2	Dự án HT trong năm báo cáo									
	<i>Tổng số:</i>									
	Dự án....									
	Dự án ...									
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:									
1	Dự án HT các năm trước năm báo cáo									
	<i>Tổng số:</i>									
	Dự án ...									
	Dự án...									
2	Dự án HT trong năm báo cáo									
	<i>Tổng số:</i>									
	Dự án....									
	Dự án...									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 05 - TC:**(1) Cơ quan tổng hợp báo cáo theo các tiêu chí từ cột 1 đến cột 11:**

- Đối với các dự án do Trung ương quản lý: Cơ quan Tài chính thuộc Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các dự án đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành và dự án hoàn thành chủ đầu tư đề nghị quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán hoàn thành.

- Đối với các dự án do địa phương quản lý: Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các dự án đã được phê duyệt quyết toán hoàn thành và dự án hoàn thành chủ đầu tư đề nghị quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán hoàn thành.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 3):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(4) Thời gian KC-HT (Cột 4): Thời gian KC-HT được xác định theo Quyết định đầu tư của dự án hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

(5) Tổng mức đầu tư dự án (Cột 5): Là tổng mức vốn tại Quyết định đầu tư hoặc Quyết định điều chỉnh lần cuối cùng (nếu có) của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

(6) Xác định số vốn đầu tư còn nợ (Cột 11):

- Đối với các dự án đã có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành: Số vốn đầu tư còn nợ = số vốn tính theo Quyết định phê duyệt quyết toán - số vốn đã thanh toán cho dự án (Cột 11 = Cột 6 - Cột 8).

- Đối với các dự án chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành: Số vốn đầu tư còn nợ tạm tính = số vốn theo giá trị do chủ đầu tư đề nghị quyết toán - số vốn đã thanh toán cho dự án (Cột 11 = Cột 7 - Cột 8).

Biểu số 06-KBT: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý trước ngày 10 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.

- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB
TỪ NSNN NĂM..... CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:						
		Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung						
		- Vốn trong nước						
		- Vốn ngoài nước						
		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Nguồn vốn khác (nếu có)						
1		Bộ....						
1.1		Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung						
		Dự án....						
		Vốn trong nước						
		Vốn ngoài nước						
1.2		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Chương trình ...						
		Dự án...						
		Chương trình...						
		Dự án....						
1.3		Nguồn vốn khác (nếu có)						
		Nguồn vốn...						
		Dự án...						
		Nguồn vốn...						
		Dự án...						
2		Bộ...						
II		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ:						
1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
		- Nguồn vốn cân đối NSDP						
		- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
1.1		Dự án cấp tỉnh quản lý						
		Dự án...						
		- Nguồn vốn cân đối NSDP						
		- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
		Dự án...						
1.2		Dự án cấp huyện quản lý						
		- Nguồn vốn cân đối NSDP						
		- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
1.3		Dự án cấp xã quản lý						
		- Nguồn vốn cân đối NSDP						
		- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
		- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia.						
		- Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
		- Nguồn vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
2.1		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Chương trình...						
		- Dự án...						
		Chương trình...						
		- Dự án...						
2.2		Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
		Chương trình...						
		- Dự án...						
		Chương trình...						
		- Dự án...						
2.3		Nguồn vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
		Nguồn vốn...						
		- Dự án...						
		Nguồn vốn ...						
		- Dự án...						
3		Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có)						
		Nguồn vốn xổ số kiến thiết						
		Nguồn vốn...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 06 - KBT:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 01 - TC ban hành theo Thông tư này.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP: Là nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia; vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP thuộc kế hoạch đầu năm; vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm từ các nguồn khác như nguồn dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách trung ương... (nếu có).

(6) Nguồn vốn ngoài nước (ODA): Là nguồn vốn được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao thực hiện trong kế hoạch năm. Số vốn thanh toán thực tế hàng tháng theo xác nhận của Kho bạc nhà nước địa phương. Trường hợp số xác nhận của Kho bạc nhà nước cao hơn số kế hoạch nhà nước giao thì Kho bạc nhà nước tổng hợp báo cáo theo số thực tế đã xác nhận thanh toán trong năm (bao gồm cả tạm ứng).

(7) Nguồn vốn khác (nếu có):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(8) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo các nội dung quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án thuộc cấp huyện, xã quản lý chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

Biểu số 07-KBT: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý trước ngày 10 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc nhà nước tỉnh, TP.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.

- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN TPCP NĂM...
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn TPCP năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Lũy kế vốn đã thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo
						Tổng số	Trong đó gồm		
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ							
		Tổng số:							
		- Giao thông							
		- Thủy lợi							
		- Y tế							
		- Ký túc xá sinh viên							
1		Bộ...							
		Giao thông							
		Dự án...							
		Thủy lợi							
		Dự án...							
		Y tế							
		Dự án...							
		Ký túc xá sinh viên							
		Dự án...							
2		Bộ...							
II		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ:							
		Tổng số:							
		- Giao thông							
		- Thủy lợi							
		- Y tế							
		- Ký túc xá sinh viên							
		- Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên							
1		Giao thông							
		Dự án...							

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2		<i>Thủy lợi</i> Dự án...							
3		<i>Y tế</i> Dự án...							
4		<i>Ký túc xá sinh viên</i> Dự án...							
5		<i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN

(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 07 - KBT:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 02 - TC ban hành theo Thông tư này.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Lũy kế vốn đã thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo (Cột 10): Là số vốn TPCP đã bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến thời điểm đơn vị tổng hợp báo cáo theo quy định.

(6) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo các nội dung quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn chi tiết theo từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

Biểu số 08-KBT: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý trước ngày 10 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.
- Sở Tài chính.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NSNN, VỐN TPCP THUỘC KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM..... (NẾU CÓ) CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ..... (ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn đầu tư năm trước chuyển sang năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó gồm	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:						
		- <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung</i>						
		- <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i>						
		- <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i>						
1		Bộ...						
		- <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung</i>						
		Dự án...						
		- <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i>						
		Dự án...						
		- <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i>						
		Dự án...						
2		Bộ...						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:						
		- <i>Giao thông</i>						
		- <i>Thủy lợi</i>						
		- <i>Y tế</i>						
		- <i>Ký túc xá sinh viên</i>						
1		Bộ...						
1		Giao thông						
		- Dự án...						
2		Thủy lợi						
		- Dự án...						
3		Y tế						
		- Dự án...						
4		Ký túc xá sinh viên						
		- Dự án...						
2		Bộ....						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
B		DỰ ÁN ĐO ĐIA PHƯƠNG QUẢN LÝ						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN (1+2+3):						
1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA), trong đó: - <i>Nguồn vốn cân đối NSDP</i> - <i>Nguồn vốn ngoài nước (ODA)</i>						
2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
2.1		<i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> - <i>Chương trình...</i> <i>Dự án...</i> - <i>Chương trình...</i>						
2.2		<i>Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm</i> - <i>Chương trình...</i> <i>Dự án...</i> - <i>Chương trình...</i>						
2.3		<i>Nguồn vốn ngân sách TW bổ sung ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)</i> - <i>Nguồn vốn...</i> <i>Dự án...</i> - <i>Nguồn vốn...</i>						
3		Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có)						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: (1+2+3+4+5): - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						
1		<i>Giao thông</i> - <i>Dự án...</i>						
2		<i>Thủy lợi</i> - <i>Dự án...</i>						
3		<i>Y tế</i> - <i>Dự án...</i>						
4		<i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Dự án...</i>						
5		<i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 08 - KBT:

(1) Biểu mẫu trên áp dụng cho cả trường hợp vốn ứng trước kế hoạch vốn NSNN, vốn TPCP thực hiện trong năm kế hoạch nhưng không thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời hạn thanh toán sang năm sau. Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố thực hiện tổng hợp báo cáo thành mục riêng theo các chỉ tiêu báo cáo quy định tại Biểu mẫu trên.

(2) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(3) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(4) Kế hoạch vốn đầu tư năm trước chuyển sang năm ... (Cột 5): Là số vốn còn lại của kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau.

(5) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(6) Nguồn vốn khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(7) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của Bộ, ngành và địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

Biểu số 09-KBT: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hàng quý trước ngày 10 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 10/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.
- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NSNN,
VỐN TPCP ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH NĂM SAU THỰC HIỆN TRONG NĂM..... (NẾU CÓ)
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn ứng trong năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó gồm	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN: - <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung</i> - <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> - <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i>						
1		<i>Bộ...</i> - <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung</i> Dự án... - <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> Dự án... - <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i> Dự án...						
2		<i>Bộ...</i>						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i>						
1		<i>Bộ....</i>						
1		<i>Giao thông</i> - Dự án....						
2		<i>Thủy lợi</i> - Dự án....						
3		<i>Y tế</i> - Dự án....						
4		<i>Ký túc xá sinh viên</i> - Dự án....						
2		<i>Bộ...</i>						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
B		DỰ ÁN ĐO ĐẠ PHƯƠNG QUẢN LÝ:						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN (1+2+3):						
1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA), trong đó: - <i>Nguồn vốn cân đối NSDP</i> - <i>Nguồn vốn ngoài nước (ODA)</i>						
2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
2.1		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia - Chương trình... Dự án... - Chương trình...						
2.2		Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm - Chương trình... Dự án... - Chương trình...						
2.3		Nguồn vốn ngân sách TW bổ sung ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có) - Nguồn vốn... Dự án... - Nguồn vốn...						
3		Nguồn vốn khác ngoài điểm 1, 2 (nếu có)						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: (1+2+3+4+5): - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						
1		Giao thông - Dự án...						
2		Thủy lợi - Dự án...						
3		Y tế - Dự án...						
4		Ký túc xá sinh viên - Dự án...						
5		Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 09 - KBT:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn ứng (Cột 5): Là số vốn trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho ứng trước vốn kế hoạch năm sau để thực hiện trong năm kế hoạch.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(6) Nguồn vốn khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(7) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của Bộ, ngành và địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với TPCP) của từng Bộ, ngành và của địa phương.

Trường hợp hàng quý địa phương cần theo dõi số vốn thanh toán của từng dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên, phục vụ công tác điều hành vốn; Sở Tài chính có văn bản yêu cầu Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố báo cáo bổ sung.

Biểu số 10-KBT: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng quý: Trước ngày 10 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước tỉnh, TP.

Đơn vị nhận báo cáo:

- Kho bạc Nhà nước.
- Sở Tài chính.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB
TỪ NSNN, VỐN TPCP CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, NHÓM A NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
					Tổng số	Trong đó	
						Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:					
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:					
1		Bộ...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
		Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A.					
		Dự án...					
2		Bộ....					
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:					
1		Bộ...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
		Giao thông					
		- Dự án...					
		Thủy lợi					
		- Dự án...					
		Y tế					
		- Dự án...					
		Ký túc xá sinh viên					
		- Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A					
		Giao thông					
		- Dự án...					
		Thủy lợi					
		- Dự án...					

1	2	3	4	5	6	7	8
		Y tế - Dự án...					
		Ký túc xá sinh viên - Dự án...					
2		Bộ...					
B		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ:					
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:					
1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có) Dự án...					
2		Dự án nhóm A Dự án...					
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:					
1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có) Giao thông - Dự án...					
		Thủy lợi - Dự án...					
		Y tế - Dự án...					
		Ký túc xá sinh viên. - Dự án...					
2		Dự án nhóm A: Giao thông - Dự án...					
		Thủy lợi - Dự án...					
		Y tế - Dự án...					
		Ký túc xá sinh viên - Dự án...					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 10 - KBT:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 4):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 01- TC (đối với nguồn vốn NSNN) và Biểu số 02 - TC (đối với nguồn vốn TPCP) ban hành theo Thông tư này.

(3) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 5): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

Biểu số 11-KBNN: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý trước ngày 20 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB
TỪ NSNN NĂM..... CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:						
		Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung						
		- Vốn trong nước						
		- Vốn ngoài nước						
		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Nguồn vốn khác (nếu có)						
1		Bộ...						
1.1		Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung						
		Dự án...						
		Vốn trong nước						
		Vốn ngoài nước						
1.2		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Chương trình...						
		Dự án...						
1.3		Nguồn vốn khác (nếu có)						
		Nguồn...						
		Dự án...						
2		Bộ...						
II		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ						
(1)		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)						
		- Nguồn vốn cân đối NSDP						
		- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
(2)		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP - Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia - Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm - Nguồn vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
(3)		Nguồn vốn khác ngoài điểm (1), (2) (nếu có) - Nguồn vốn xố số kiến thiết - Nguồn vốn...						
1		Tỉnh...						
1.1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA) - Nguồn vốn cân đối NSDP - Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
1.2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
a		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Chương trình... - Dự án...						
		Chương trình... - Dự án...						
b		Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
		Chương trình... - Dự án...						
		Chương trình... - Dự án...						
c		Nguồn vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
		Nguồn vốn... - Dự án...						
		Nguồn vốn... - Dự án...						
1.3		Nguồn vốn khác (nếu có): - Nguồn vốn xố số kiến thiết. - Nguồn vốn...						
2		Tỉnh...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 11 - KBNN:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định. Riêng nguồn vốn ngân sách địa phương, vốn ngoài nước (Mục I điểm B) không chi tiết dự án do đó không ghi mã dự án.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 01 - TC ban hành theo Thông tư này.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP: Là nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia; vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP thuộc kế hoạch đầu năm; vốn NSTW bổ sung cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm từ các nguồn khác như nguồn dự phòng, nguồn tăng thu ngân sách trung ương... (nếu có).

(6) Nguồn vốn ngoài nước (ODA): Là nguồn vốn được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao thực hiện trong kế hoạch năm. Số vốn thanh toán thực tế hàng tháng theo xác nhận của Kho bạc nhà nước địa phương. Trường hợp số xác nhận của Kho bạc nhà nước cao hơn số kế hoạch nhà nước giao thì Kho bạc nhà nước tổng hợp báo cáo theo số thực tế đã xác nhận thanh toán trong năm (bao gồm cả tạm ứng).

(7) Nguồn vốn khác (nếu có):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(8) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn của Bộ, ngành, địa phương quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn cụ thể của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

Biểu số 12-KBNN: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý trước ngày 20 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN TPCP NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn TPCP năm...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Lũy kế vốn đã thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo
						Tổng số	Trong đó		
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ Tổng số - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i>							
1		Bộ.....							
		Giao thông - Dự án....							
		Thủy lợi - Dự án....							
		Y tế - Dự án....							
		Ký túc xá sinh viên - Dự án....							
2		Bộ....							
II		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ Tổng số: - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>							
1		Tỉnh.....							
		Giao thông - Dự án....							

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Thủy lợi - Dự án...							
		Y tế - Dự án...							
		Ký túc xá sinh viên - Dự án...							
		Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên							
2		Tỉnh...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN

(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 12 - KBNN:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 5):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 02 - TC ban hành theo Thông tư này.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Lũy kế vốn đã thanh toán từ KC đến kỳ báo cáo (Cột 10): Là số vốn TPCP đã bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến thời điểm đơn vị tổng hợp báo cáo theo quy định.

(6) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo ngành, lĩnh vực của Bộ, ngành, địa phương quy định tại Biểu mẫu nêu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn chi tiết theo từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

Biểu số 13-KBNN: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý trước ngày 20 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN XDCB TỪ NSNN, VỐN TPCP THUỘC KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM..... (NẾU CÓ) CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ..... (ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn đầu tư năm trước chuyển sang năm ...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:						
		- <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung.</i>						
		- <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i>						
		- <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i>						
1		Bộ...						
		- <i>Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung</i>						
		Dự án...						
		- <i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i>						
		Dự án...						
		- <i>Nguồn vốn khác (nếu có)</i>						
		Dự án...						
2		Bộ...						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:						
		- <i>Giao thông</i>						
		- <i>Thủy lợi</i>						
		- <i>Y tế</i>						
		- <i>Ký túc xá sinh viên</i>						
1		Bộ.....						
		- <i>Giao thông</i>						
		Dự án...						
		- <i>Thủy lợi</i>						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
		Dự án... - <i>Y tế</i> Dự án... - <i>Ký túc xá sinh viên</i> Dự án....						
2		Bộ...						
B		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN						
(1)		- <i>Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)</i>						
(2)		- <i>Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP</i>						
(3)		- <i>Nguồn vốn khác ngoài điểm (1), (2) (nếu có)</i>						
1		Tỉnh...						
1.1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA), trong đó: - Nguồn vốn cân đối NSDP - Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
1.2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
a		<i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> - Chương trình... + Dự án...						
b		<i>Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm</i> - Chương trình... + Dự án...						
c		<i>Nguồn vốn ngân sách TW bổ sung ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)</i> - Nguồn vốn... + Dự án...						
1.3		Nguồn vốn khác (nếu có) - Nguồn vốn xổ số kiến thiết - Nguồn vốn...						
2		Tỉnh...						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						
1		Tỉnh....						
1.1		<i>Giao thông</i> - Dự án....						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.2		Thủy lợi - Dự án....						
1.3		Y tế - Dự án....						
1.4		Ký túc xá sinh viên - Dự án....						
1.5		Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên						
2		Tỉnh...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 13 - KBNN:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn đầu tư năm trước chuyển sang năm ... (Cột 5): Là số vốn còn lại của kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc nhà nước tách đề ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Nguồn vốn khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(6) Biểu mẫu trên áp dụng cho cả trường hợp vốn ứng trước kế hoạch vốn NSNN, vốn TPCP thực hiện trong năm kế hoạch nhưng không thanh toán hết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời hạn thanh toán sang năm sau. Kho bạc nhà nước tổng hợp báo cáo thành mục riêng theo các chỉ tiêu báo cáo quy định tại Biểu mẫu trên.

(7) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

Biểu số 14-KBNN: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng tháng trước ngày 15 tháng sau; hàng quý trước ngày 20 tháng sau.

- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ỨNG TRƯỚC DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NĂM SAU TỪ NGUỒN VỐN NSNN, VỐN TPCP THỰC HIỆN TRONG NĂM..... (NẾU CÓ)
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (QTQG, A,B,C)	Kế hoạch vốn ứng trong năm ...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
						Tổng số	Trong đó	
							Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ						
I		Nguồn vốn đầu tư XD CB từ NSNN						
		- Nguồn vốn đầu tư XD CB tập trung						
		- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		- Nguồn vốn khác (nếu có)						
1		Bộ...						
		- Nguồn vốn đầu tư XD CB tập trung						
		Dự án....						
		- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia						
		Dự án....						
		- Nguồn vốn khác (nếu có)						
		Dự án....						
2		Bộ...						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ						
		- Giao thông						
		- Thủy lợi						
		- Y tế						
		- Ký túc xá sinh viên						
1		Bộ.....						
		- Giao thông						
		Dự án.....						
		- Thủy lợi						
		Dự án.....						
		- Y tế						
		Dự án....						
		- Ký túc xá sinh viên						
		Dự án....						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
2		Bộ...						
B		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ						
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN						
(1)		- <i>Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA)</i>						
(2)		- <i>Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP</i>						
(3)		- <i>Nguồn vốn khác ngoài điểm (1), (2) (nếu có)</i>						
1		Tỉnh...						
1.1		Nguồn vốn cân đối NSDP, vốn ngoài nước (ODA), trong đó - Nguồn vốn cân đối NSDP - Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
1.2		Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP						
a		<i>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> - Chương trình... + Dự án...						
b		<i>Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm</i> - Chương trình... + Dự án...						
c		<i>Nguồn vốn ngân sách TW bổ sung ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)</i> - Nguồn vốn... + Dự án...						
1.3		Nguồn vốn khác (nếu có) - Nguồn vốn xô số kiến thiết - Nguồn vốn...						
2		Tỉnh...						
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ - <i>Giao thông</i> - <i>Thủy lợi</i> - <i>Y tế</i> - <i>Ký túc xá sinh viên</i> - <i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						
1		Tỉnh...						
1.1		<i>Giao thông</i> - Dự án...						
1.2		<i>Thủy lợi</i> - Dự án...						
1.3		<i>Y tế</i> - Dự án...						

1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.4		<i>Ký túc xá sinh viên</i> - Dự án...						
1.5		<i>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</i>						
2		Tỉnh...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 14 - KBNN:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Dự án quan trọng quốc gia (QTQG), nhóm A, B, C (Cột 4):

- Nhóm dự án (QTQG, A, B, C) được phân loại theo quy định tại Nghị quyết số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Yêu cầu ghi (QTQG, A, B, C) cho từng dự án theo thứ tự QTQG, A, B, C.

(3) Kế hoạch vốn ứng (Cột 5): Là số vốn trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho ứng trước vốn kế hoạch năm sau để thực hiện trong năm kế hoạch.

(4) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 6): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc Nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.

(5) Nguồn vốn khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Bao gồm nguồn vốn CK, nguồn thu quảng cáo truyền hình, nguồn vốn bảo hiểm được để lại, nguồn lệ phí lãnh sự được để lại của Bộ Ngoại giao và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là các nguồn vốn xổ số kiến thiết, vốn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN, vốn kết dư năm trước chuyển sang... (nếu có).

(6) Hàng quý (lũy kế thanh toán theo thời gian 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng) và 13 tháng: Kho bạc Nhà nước tổng hợp số vốn thanh toán chi tiết cho từng dự án theo từng nguồn vốn và từng lĩnh vực của từng Bộ, ngành, từng địa phương theo đúng quy định tại Biểu mẫu trên. Hàng tháng chỉ báo cáo tổng số vốn đã thanh toán chi tiết theo từng nguồn vốn (đối với vốn NSNN) và từng lĩnh vực (đối với vốn TPCP) của từng Bộ, ngành, từng địa phương.

Biểu số 15-KBNN: (Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013).

Thời gian báo cáo:

- Hàng quý: Trước ngày 20 tháng sau.
- Năm: 12 tháng trước ngày 20/01 năm sau; 13 tháng trước ngày 25/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ NSNN).

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NSNN,
VỐN TPCP CHO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, NHÓM A NĂM.....
CỦA BỘ, NGÀNH, TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ, HÀNG NĂM)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
					Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8
A		DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ:					
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:					
1		Bộ...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
		Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A					
		Dự án...					
2		Bộ...					
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ:					
1		Bộ...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
		- <i>Giao thông</i> Dự án...					
		- <i>Thủy lợi</i> Dự án...					
		- <i>Y tế</i> Dự án...					
		- <i>Ký túc xá sinh viên</i> Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A					
		- <i>Giao thông</i> Dự án...					
		- <i>Thủy lợi</i> Dự án...					
		- <i>Y tế</i> Dự án...					
		- <i>Ký túc xá sinh viên</i> Dự án...					

STT	Mã dự án	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo		
					Tổng số	Trong đó	
						Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi
1	2	3	4	5	6	7	8
2		<i>Bộ...</i>					
B		DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ					
I		Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN:					
1		Tỉnh...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
		Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A					
		Dự án...					
II		Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ					
1		Tỉnh...					
1.1		Dự án quan trọng quốc gia (nếu có)					
1.1		Giao thông					
		- Dự án...					
1.2		Thủy lợi					
		- Dự án...					
1.3		Y tế					
		- Dự án...					
1.4		Ký túc xá sinh viên					
		- Dự án...					
1.2		Dự án nhóm A					
1.1		Giao thông					
		- Dự án...					
1.2		Thủy lợi					
		- Dự án...					
1.3		Y tế					
		- Dự án...					
1.4		Ký túc xá sinh viên					
		- Dự án...					
2		Tỉnh....					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG LẬP BIỂU MẪU SỐ 15 - KBNN:

(1) Mã dự án (cột 2): Là mã số được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho từng dự án theo quy định.

(2) Kế hoạch vốn đầu tư (Cột 4):

- Đối với dự án thuộc Bộ, ngành quản lý: Là chỉ tiêu kế hoạch của Bộ, ngành triển khai trên cơ sở kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước). **Kho bạc Nhà nước gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để tổng hợp.**

- Đối với dự án thuộc địa phương quản lý: Là số kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố quyết định phân bổ cho các dự án theo Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm cả nguồn vốn được giao để thu hồi vốn ứng trước) và được Sở Tài chính tổng hợp gửi cho Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố tại Biểu số 01 - TC (đối với nguồn vốn NSNN) và Biểu số 02 - TC (đối với nguồn vốn TPCP) ban hành theo Thông tư này.

(3) Lũy kế GTKL Chủ đầu tư đề nghị thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo (Cột 5): Căn cứ giấy đề nghị của Chủ đầu tư qua các lần thanh toán trong năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo.

Trường hợp dự án đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (nếu có), nhưng giá trị khối lượng đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư không tách được theo từng nguồn vốn cụ thể thì Kho bạc Nhà nước tách để ghi theo hướng: ghi giá trị chủ đầu tư đề nghị bằng kế hoạch vốn đối với các nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn nhỏ nhất, phần còn lại ghi hết vào nguồn có tỷ trọng kế hoạch vốn lớn nhất.